

CÔNG KHAI CÁC KHOẢN THU CHI
THÁNG 10 NĂM 2025

I/ NGUỒN NGÂN SÁCH

TT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN			
		TÒN ĐK	DỰ TOÁN CẤP	ĐT đã sử dụng	TÒN CUỐI KỲ
1	Ngân sách nguồn 12 (9527)	177.021.095		30.704.578	146.316.517
2	Ngân sách nguồn 13 (9523)	4.899.553.252		1.475.242.181	3.424.311.071
3	Ngân sách nguồn 14 (9523)	871.446.102			871.446.102
4	Ngân sách nguồn 14 (9527)	9.034.920.677			9.034.920.677
5	Ngân sách nguồn 18 (9527)	1.022.589.000			1.022.589.000
	TỔNG CỘNG	16.005.530.126	-	1.505.946.759	14.499.583.367

II/ NGUỒN THU TẠI ĐƠN VỊ

TT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN ĐÃ THU				
		TÒN ĐK	THU	Thuế TNDN	CHI	TÒN
1	Tiền học phí công lập	1.050.000		-	-	1.050.000
2	Bãi xe	10.113.060		-	-	10.113.060
3	Căn tin	485.551.400	23.500.000	470.000	-	508.581.400
4	Bảo hiểm y tế	-	1.513.792.800	30.275.856	-	1.483.516.944
5	Tiền tổ chức 2 buổi/ ngày	172.000		-	-	172.000
6	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ	69.000		-	-	69.000
7	Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống	422.981		-	-	422.981
8	Tiền tổ chức học Ngoại ngữ với người nước ngoài	205.000		-	-	205.000
9	năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ	480.000		-	-	480.000
10	Tiền tổ chức chương trình học ngoại ngữ thông qua môn toán và Khoa học			-	-	-
11	Tiền tổ chức giáo dục Stem			-	-	-
12	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh	4.271		-	-	4.271
13	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý bán trú và vệ sinh	226.369		-	40.868.034	(40.641.665)
14	Tiền suất ăn trưa bán trú	612.000	2.572.500.000	51.450.000	-	2.521.662.000
15	Tiền nước uống	587.418		-	-	587.418
16	Dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh	428.750		-	15.563.679	(15.134.929)
17	Tiền học phẩm	-		-	16.380.480	(16.380.480)
18	Tiền Khám sức khỏe học sinh ban đầu	136.816.166		-	22.928.658	113.887.508
19	Tiền chăm sóc sức khỏe ban đầu cho HS(thủ lao)	8.627.200		-	-	8.627.200
20	Tiền số liên lạc điện tử, ứng dụng dạy học ôn tập	28.047.946		-	26.250.000	1.797.946
21	"Dạy và học các môn toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp	-		-	-	-

22	Thặng dư từ hoạt động hành chính	-	538.026		676.800	(138.774)
23	Thuế GTGT	-		-	-	-
24	Thuế TNDN	-		-	-	-
25	Tạm thu thuế TNCN	-		-	-	-
	Tổng cộng	673.413.561	4.110.330.826	82.195.856	122.667.651	4.578.880.880

III/ CHI TIẾT CÁC QUỸ:

TT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN				
		TÒN ĐK	THU		CHI	TÒN
1	Tiền mặt	25.664.000			25.664.000	-
2	Tiền gửi KB TK 3716	1.973.220.572			47.074.950	1.926.145.622
3	Tiền gửi NH Sài Gòn thương tín 935	713.536.051	60.174		5.098.823	708.497.402
4	Tiền gửi NH Sài Gòn thương tín 636	1.402.356.541	1.168.341.760		1.266.646.108	1.304.052.193
5	Tiền gửi TK NN 9701	292.995.175	23.537.300		100.072.273	216.460.202
6	Tiền gửi TK NN 674	9.706.593	3.596.655.600		344.885.940	3.261.476.253
7	Tiền gửi KB TK 3713	-			-	-
8	Tạm ứng	-			-	-
9	Quỹ khen thưởng	119.670.213			-	119.670.213
10	Quỹ Phúc lợi	38.836.215			4.991.023	33.845.192
11	Quỹ ổn định thu nhập	72.920.715			-	72.920.715
12	Quỹ phát triển SN	1.344.798.950			-	1.344.798.950
13	Nguồn CCTL	-			-	-
	Tổng cộng	5.993.705.025	4.788.594.834		1.794.433.117	8.987.866.742

Kế toán


Nguyễn Thị Kim Hiền

Ngày 5 tháng 11 năm 2025
Hiệu trưởng

Nguyễn Văn Hiền